TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 12 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tâm
2. Ông Nguyễn Văn Truy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Bùi Đức Tuấn- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST – HNGĐ ngày 12/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L; sinh năm: 1996

Số căn cước công dân: 038196019156

Nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Anh Lê Trọng D; sinh năm: 1994

Số căn cước công dân: 038094025406

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị L và anh D (Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình 2 bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2019 tại UBND xã T, huyện T (nay là UBND xã T), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống hòa thuận được 5 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vả, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay vợ, chồng chị đã sống ly thân. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung là cháu Lê Duy K, sinh ngày 16/12/2019 và cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 08/12/2024. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 08/12/2024, giao cháu Lê Duy K, sinh ngày 16/12/2019 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lê Trọng D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình 2 bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2019 tại UBND xã T, huyện T (nay là UBND xã T), tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống vợ chồng có vấn đề mâu thuẫn nhỏ. Đến nay chị L yêu cầu ly hôn nhưng anh muốn hai vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Lê Duy K, sinh ngày 16/12/2019 và cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 08/12/2024. Nếu vợ chồng bắt buộc phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản: Anh Dũng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Trọng D. Về con chung: Giao cháu Lê Duy K, sinh ngày 16/12/2019 cho anh Lê Trọng D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 08/12/2024 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Lê Trọng D. Anh Dũng cư trú tại Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh D vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh D và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh Dũng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh D đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh Dũng cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh D.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Trọng D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2019 tại UBND xã T, huyện T (nay là UBND xã T), tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ, chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn vì muốn con cái có sự dạy dỗ của bố, mẹ. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh D vắng mặt không có lý do, chị L vẫn xác định tình cảm đối với anh D không còn, vợ, chồng hiện nay đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Do đó HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Lê Trọng D là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Duy K, sinh ngày 16/12/2019 và cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 08/12/2024. Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh D đều có ý kiến là khi ly hôn giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay, cháu K đang ở cùng bố, cháu Đ đang ở cùng mẹ và mới được hơn 1 tuổi. Xét yêu cầu của chị L và anh D là chính đáng và hợp pháp. Vì vậy, HĐXX xét thấy

nên giao cháu K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí được trừ vào số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Trọng D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Duy K, sinh ngày 16/12/2019 cho anh Lê Trọng D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Trung Đ, sinh ngày 08/12/2024 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Lê Thị L và anh Lê Trọng D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hóa, theo biên lai số 0000999 ngày 03/10/2025. Chị Lê Thị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Lê Thị L và anh Lê Trọng D. Chị Lê Thị L và anh Lê Trọng D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa;
- UBND xã Thành Vinh;
- THAD tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Tường Vân **Lê Văn Hoàn** **Bùi Văn Hải**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Mạnh Thìn **Trần Thị Dần** **Bùi Văn Hải**